

Số: 1525 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2018

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (tỷ lệ 1/10.000)**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013;

Căn cứ Thông báo số 424-TB/TU ngày 25/9/2018 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy.

Xét đề nghị của UBND huyện Lục Ngạn tại Tờ trình số 384/TTr-UBND ngày 07/9/2018; Sở Xây dựng tại Báo cáo số 289/BC-SXD ngày 12/9/2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (tỷ lệ 1/10.000) (kèm theo hồ sơ nhiệm vụ thiết kế), với những nội dung chính như sau:

#### **I. Lý do phê duyệt:**

Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung thị xã Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 tại Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 14/4/2017. Sau khi được phê duyệt Nhiệm vụ, UBND huyện Lục Ngạn đã tổ chức lập Quy hoạch chung thị xã Chũ trình UBND tỉnh gửi Bộ Xây dựng xin ý kiến làm cơ sở phê duyệt Đồ án. Bộ Xây dựng đã góp ý 02 lần về Đồ án Quy hoạch chung thị xã Chũ tại Công văn số 57/BXD-QHKT ngày 09/01/2018 và Công văn số 1273/BXD-QHKT ngày 30/5/2018; trong đó, Bộ Xây dựng đề nghị UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Chũ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## II. Nội dung chính của Nhiệm vụ Đề án

### 1. Tên nhiệm vụ Đề án; phạm vi, ranh giới và quy mô nghiên cứu

- Tên đề án: Quy hoạch chung đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

- Về phạm vi nghiên cứu quy hoạch phát triển tổng quan:

Nghiên cứu quy hoạch phát triển tổng quan với phạm vi trên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Chũ và 12 xã của huyện Lục Ngạn Ngạn (Hồng Giang, Thanh Hải, Nghĩa Hồ, Trù Hựu, Phượng Sơn, Quý Sơn, Nam Dương, Mỹ An, Tân Mộc, Tân Lập, Kiên Lao, Kiên Thành), tổng diện tích tự nhiên khoảng 35.728 ha; hướng tới thành lập thị xã Chũ sau năm 2020 theo định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Từ đó xác định giới hạn tăng trưởng và quy mô tối ưu cho các khu vực phát triển đô thị, nông thôn, nông nghiệp và các khu chức năng khác.

- Ranh giới, quy mô quy hoạch khu vực phát triển đô thị:

+ Quy hoạch chung khu vực phát triển đô thị Chũ đến năm 2030 thực hiện với quy mô diện tích khoảng 12.300 ha trong đó, không gian đô thị khoảng 6.200 ha, nông thôn khoảng 600 ha; nông nghiệp khoảng 4.000 ha; không gian chức năng ngoài đô thị khoảng 1.500 ha.

+ Tốc độ gia tăng quy mô dân số dự báo đến năm 2030: Dân số khu vực phát triển đô thị khoảng 95.000 người; trong đó dân số nội thị khoảng 48.000 người.

### 2. Tính chất:

- Là đô thị trung tâm tổng hợp cấp vùng tỉnh, đầu mối giao lưu thương mại, du lịch, dịch vụ, động lực phát triển vùng Đông Bắc tỉnh Bắc Giang lấy vùng nguyên liệu nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản, nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, du lịch văn hóa, sinh thái, tâm linh và các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao làm hạt nhân tạo thị;

- Là đô thị xanh, hướng tới phát triển bền vững, lấy yếu tố cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái làm chủ đạo, kết hợp các giải pháp tổ chức không gian hiện đại, gắn kết hài hòa khu vực đô thị với nông thôn nông nghiệp, tạo nên sự khác biệt, hấp dẫn về phong cách đặc trưng của đô thị.

3. Mục tiêu: Xác lập các động lực tăng trưởng mới, phát triển đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo hướng hiện đại, thông minh, chất lượng môi trường tự nhiên và xã hội ưu việt; Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, hiện đại, đa dạng hóa và gia tăng giá trị nông sản; Chuyển đổi cơ cấu kinh tế vùng đô thị trở thành một trong những thủ phủ hoa quả, trái cây của miền Bắc nói riêng và Việt Nam nói chung; Gắn phát triển đô thị với thị trường du lịch trong nước và quốc tế; Tạo tiền đề thành lập thị xã Chũ sau năm 2020, đạt tiêu chuẩn đô thị loại III sau năm 2030, trở thành động lực phát triển vùng Đông bắc tỉnh Bắc Giang.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật:

	Hạng mục	Giai đoạn đến năm 2020	Giai đoạn đến năm 2030	Giai đoạn đến năm 2050
<b>I</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>	110-115m <sup>2</sup> /người	120-130m <sup>2</sup> /người	135-150m <sup>2</sup> /người
-	Đất đơn vị ở	≥25 ÷ 30m <sup>2</sup> /người	≥35 ÷ 45m <sup>2</sup> /người	≥ 50 ÷ 55m <sup>2</sup> /người
-	Đất công trình công cộng	≥ 3m <sup>2</sup> /người	≥ 4m <sup>2</sup> /người	≥ 5m <sup>2</sup> /người
-	Đất cây xanh	≥ 5m <sup>2</sup> /người	> 5m <sup>2</sup> /người	≥ 7m <sup>2</sup> /người
-	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng	≥ 13%	≥ 17%	≥ 19%
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu HTKT</b>			
-	Tiêu chuẩn cấp điện			
+	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	≥ 350 kWh/người năm	> 500 kWh/người năm	> 700 kWh/người năm
+	Tiêu chuẩn cấp điện công cộng	35% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt		
-	Cấp nước	≥ 100 lít/người/ngày đêm; Chỉ tiêu cấp ≥ 90% hộ dân	≥ 110 lít/người/ngày đêm; Chỉ tiêu cấp ≥ 95% hộ dân	≥ 120 lít/người/ngày đêm; Chỉ tiêu cấp > 95% hộ dân
-	Thoát nước bản, vệ sinh môi trường			
+	Thoát nước	80 % tiêu chuẩn cấp nước		
+	Rác thải	0,8kg/người/ngày; Tỷ lệ thu khoảng 80 ~ 90%.	1kg/người/ngày; Tỷ lệ thu ≥ 90%	1,2kg/người/ngày; Tỷ lệ thu ≥ 95%

### 5. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu:

a) Các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản đối với việc thu thập tài liệu: Thu thập đầy đủ các tài liệu hiện có về quy hoạch vùng thủ đô, quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của tỉnh, huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch chuyên ngành giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp; các bản đồ địa hình theo các tỷ lệ 1/5.000, 1/10.000, 1/25.000; bản đồ hiện trạng sử dụng đất (các khu vực thiết kế đô thị cần thu thập tài liệu khảo sát địa hình, bản đồ tỷ lệ 1/1.000 và 1/2.000); Các tài liệu, thông tin của các dự án đã, đang và sẽ triển khai trong phạm vi nghiên cứu.

#### b) Yêu cầu về khảo sát địa hình:

- Đo vẽ, cập nhật bản đồ địa hình; biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; cập nhật hiện trạng đầu tư xây dựng, hiện trạng đô thị, dân cư trong khu vực quy hoạch đô thị;

- Biên tập bản đồ địa hình, địa chính toàn bộ thị trấn và 12 xã trong phạm vi quy hoạch trên nền kế thừa bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa (sử dụng đất) trong khu vực xây dựng đô thị;

- Kế thừa hệ thống các dữ liệu bản đồ, khảo sát địa hình hiện có theo tỷ lệ thích hợp nhằm chiết giảm và tiết kiệm chi phí.

c) Yêu cầu về điều tra xã hội học trong cộng đồng dân cư và các cơ quan hữu quan:

- Điều tra xã hội học, thu thập thông tin, dữ liệu, số liệu xã hội học (dân số, lao động, cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu xã hội theo tuổi, giới tính, cơ cấu gia đình phổ biến, thu nhập), dân số lao động (phân tích xu hướng biến đổi thông qua số liệu của tối thiểu là 3 năm gần nhất), cơ sở kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

- Thu thập thông tin về các nguyện vọng của cộng đồng dân cư địa phương đối với nhu cầu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, tiện nghi, tiện ích đô thị và các hoạt động về đầu tư xây dựng, cải thiện cảnh quan, môi trường trong đô thị; dự báo các tác động xã hội trước, trong và sau quy hoạch.

d) Các yêu cầu nghiên cứu về bối cảnh, kết nối vùng và thị trường: Nghiên cứu bối cảnh vùng, xác lập vị thế đô thị Chũ với vai trò hạt nhân, động lực phát triển vùng phía Đông Bắc của tỉnh, liên kết với các đô thị trong tỉnh như: Thành phố Bắc Giang, đô thị Lục Nam (huyện Lục Nam), đô thị Thanh Sơn (huyện Sơn Động); Kết nối các trung tâm kinh tế Quảng Ninh; đồng thời tăng cường khả năng kết nối các trung tâm đô thị, cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không, kết nối thị trường trong nước và quốc tế.

e) Các yêu cầu nghiên cứu về các điều kiện hiện trạng: Thu thập các tài liệu, số liệu, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị. Làm rõ các ưu thế, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển đô thị hướng tới thành lập thị xã Chũ sau năm 2020 và đạt tiêu chí đô thị loại III trước năm 2030.

g) Các yêu cầu nghiên cứu tiền đề phát triển đô thị:

- Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho đô thị phù hợp với các yêu cầu phát triển của từng giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn 2050;

- Nghiên cứu xác định động lực phát triển đô thị từ các xu hướng, nhu cầu đô thị hóa, nâng cao hiệu năng kết nối vùng, tạo nên các tác nhân biến đổi thành phố và các khu vực nông thôn; vị thế truyền thống là trung tâm vùng cây ăn trái của miền Bắc Việt Nam; nâng cao năng lực quản trị đô thị hiện đại, năng lực thu hút và sử dụng vốn xã hội để phát triển; khơi dậy cảm hứng khởi nghiệp từ cộng đồng; nâng cao khả năng thích ứng, năng lực cạnh tranh của đô thị; từ chính sách, chương trình khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của Chính phủ; nhu cầu tạo việc làm, phát triển các khu vực nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra xu hướng hình thành công nhân nông nghiệp trong các khu vực sản xuất theo kiểu mới.

h) Các yêu cầu nghiên cứu về cơ cấu tổ chức và phát triển không gian:

- Tổ chức không gian của đô thị với định hướng phát triển toàn diện, cần tập trung vào các nhóm chính sau: (1) Định hướng phát triển không gian đô thị và nông thôn; (2) Định hướng bảo tồn và phát triển các không gian di sản, du lịch nghỉ dưỡng; (3) Định hướng phát triển không gian trung tâm, các khu vực trọng

điểm; (4) Định hướng phát triển không gian giao thông; (5) Định hướng phát triển không gian sinh thái tự nhiên; (6) Định hướng phát triển không gian mở, không gian cộng đồng; (7) Định hướng phát triển không gian cư trú; (8) Định hướng phát triển không gian hạ tầng kỹ thuật; (9) Định hướng phát triển không gian dịch vụ, tiện ích; (10) Định hướng phát triển không gian sản xuất và tạo việc làm; (11) Định hướng phát triển không gian bảo vệ môi trường; (12) Định hướng phát triển không gian thẩm mỹ (hình dạng và phong cách đô thị).

- Định hướng phát triển không gian đô thị gồm: Cấu trúc và hướng phát triển đô thị; xác định các hệ thống trung tâm (có kết hợp với phân khu vực sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm), công viên, hành lang cây xanh và không gian mở, quảng trường trung tâm cấp đô thị; định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn; đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc cho các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị; xác định mối liên hệ giữa không gian đô thị cũ và mới.

- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống cây xanh, quảng trường đô thị.

i) Các yêu cầu về thiết kế đô thị:

- Theo Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng;

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị; đề xuất tổ chức không gian trong các khu trung tâm, khu vực cửa ngõ đô thị, trục không gian chính, quảng trường lớn và điểm nhấn trong đô thị; tổ chức không gian cây xanh, mặt nước.

k) Các yêu cầu về đề xuất các chương trình ưu tiên đầu tư phát triển và nguồn lực thực hiện: Bao gồm phân tích các số liệu về kinh tế đô thị, luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch; đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện.

l) Các yêu cầu về quy định quản lý phát triển theo đồ án quy hoạch:

- Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất; chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị; định hướng kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị;

- Chỉ giới đường đỏ của các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị; Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường; Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan trong đô thị.

m) Các yêu cầu về bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản, di tích:

- Xác định danh mục di tích, phân loại di tích, di sản trong khu vực quy hoạch theo các nhóm: các di tích văn hóa - lịch sử; di sản nông thôn, nông nghiệp; di sản đô thị; di sản thiên nhiên; di sản văn hóa phi vật thể; di chỉ khảo cổ; Di sản hỗn hợp;

- Xác định các phân vùng bảo vệ, các định hướng về cảnh quan di tích, di sản;

- Xác định các không gian hỗ trợ, đón tiếp làm tăng giá trị của di tích, di sản trong khu vực đô thị và nông thôn;

- Định hướng các sản phẩm hoạt động về kinh tế di sản tương tác kinh tế du lịch trong từng khu vực chức năng;

- Xác định tổ chức không gian di sản, trở thành các trọng tâm của cảnh quan đô thị và thu hút các hoạt động, trở thành một điểm đến hấp dẫn của du lịch;

- Đề xuất các giải pháp quy hoạch không gian tạo cơ sở cho các di tích, di sản thu hút được các nguồn vốn xã hội, trở thành động lực phát triển của vùng.

n) Các yêu cầu về quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị: đánh giá về địa hình, địa chất, xác định khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng; xác định lưu vực và phân lưu vực tiêu thoát nước chính; hướng thoát nước, vị trí, quy mô các công trình tiêu thoát nước; xác định cốt xây dựng cho đô thị và từng khu vực;

- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông như: cảng sông, bến xe đối ngoại; tổ chức hệ thống giao thông công cộng và hệ thống bến, bãi đỗ xe; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống hào, tuy nel kỹ thuật;

- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối chính của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc, thoát nước và công trình xử lý nước thải; vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

o) Yêu cầu về các công trình đầu mối, hạ tầng xã hội:

- Hạ tầng xã hội, tiện ích đô thị, nông thôn cần phải có quy hoạch rộng khắp và có bán kính phục vụ thích hợp, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế và đặc thù địa phương; Bao gồm các thiết chế văn hóa, các thiết chế về không gian công cộng trong đô thị và hệ thống hạ tầng xã hội khác về y tế, giáo dục đào tạo, thể dục, thể thao, thương mại dịch vụ, chợ (trong khu đô thị mới, khu đô thị cũ, làng văn hóa, nhà ở xã hội); Các công trình về tín ngưỡng với các không gian mở, công viên, cây xanh, các khu vực nghỉ ngơi, phục hồi sức khỏe về thể chất và tinh thần; bao gồm hệ thống các khu vực dịch vụ công, các công trình dịch vụ đô thị và nông thôn;

- Các chỉ tiêu tính toán hệ thống hạ tầng xã hội căn cứ theo QCXDVN 01: 2008/BXD - Quy chuẩn quốc gia về Quy hoạch xây dựng; áp dụng chỉ tiêu của đô thị loại III.

p) Các yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược: Lập đánh giá tác động môi trường chiến lược gồm đánh giá hiện trạng, phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro; lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường và đề xuất giải pháp quản lý giảm thiểu tác nhân gây ô nhiễm môi trường.

6. Hồ sơ sản phẩm: Theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng “Về Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc

thù; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng “Hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị”; Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

7. Tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan xin ý kiến: Bộ Xây dựng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang;
- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Lục Ngạn.

b) Kế hoạch thực hiện: thời gian hoàn thành hồ sơ tối đa là 09 tháng, kể từ ngày có quyết định phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch.

c) Kinh phí và nguồn vốn:

- Tổng chi phí quy hoạch (tạm tính): **5.824.223.000 đồng**

*(Năm tỷ, tám trăm hai mươi tư triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn đồng chẵn).*

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

8. Các nội dung khác: theo Báo cáo thẩm định số 289/BC-SXD ngày 12/9/2018 của Sở Xây dựng và Hồ sơ nhiệm vụ thiết kế đã thẩm định.

*Quyết định này thay thế Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.*

**Điều 2.** UBND huyện Lục Ngạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến quy hoạch được duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

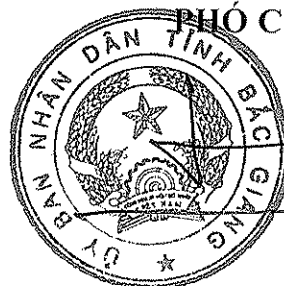
**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nội vụ; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** ↓

- Như điều 3;
- Phòng QHKT – Sở Xây dựng (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT. XD.Trung.

**Bản điện tử:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, TH, XD.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Thanh Sơn**